

Hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á

Kim Ngọc *

Nguyễn Thị Tuyết *

Tóm tắt: Tuyên bố chung về hợp tác Đông Á⁽¹⁾ được thông qua năm 1999 nhằm đối phó với khủng hoảng tài chính Châu Á đã mở đầu cho giai đoạn hợp tác giữa các quốc gia Đông Á. Từ đó đến nay, các quốc gia Đông Á đang tích cực đẩy mạnh hợp tác trên nhiều lĩnh vực: an ninh, chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế - tài chính, năng lượng và phát triển bền vững. Trong đó, hợp tác về tài chính tiền tệ Đông Á có vai trò quan trọng thúc đẩy tiến trình hợp tác kinh tế khu vực. Bài viết phân tích thực trạng hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á, trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp đẩy nhanh tiến trình hợp tác hướng đến xây dựng Cộng đồng Đông Á.

Từ khóa: Hợp tác; tài chính tiền tệ; Đông Á.

1. Mở đầu

Hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á là quá trình mà các quốc gia Đông Á cùng tham gia đối thoại, điều chỉnh và phối hợp chính sách tài chính, tiền tệ nhằm cung cấp khả năng thanh khoản và ổn định tỷ giá hối đoái khu vực. Để thực hiện các mục tiêu này, các quốc gia Đông Á đã và đang thực hiện lộ trình hợp tác trong các lĩnh vực, như: giám sát kinh tế và đối thoại chính sách; hỗ trợ khả năng thanh khoản trong trường hợp khẩn cấp; phát triển thị trường trái phiếu khu vực; và can thiệp phối hợp nhằm ổn định tỷ giá hối đoái khu vực hướng đến thành lập Quỹ Tiền tệ Châu Á (AMF), Hệ thống Tiền tệ Châu Á (AMS) và Liên minh Tiền tệ Châu Á (AMU). Hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình hội nhập khu vực và quốc tế của mỗi quốc gia.

2. Nhân tố thúc đẩy hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á

2.1. Khủng hoảng tài chính Châu Á 1997 và thế giới 2008

Cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 đã dẫn tới sự phá sản của nhiều công ty tài chính, nhiều ngân hàng lớn ở các nước Đông Á. Trong khi đó, sự chậm trễ của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và các định chế tài chính lớn của Mỹ trong việc hạn chế hậu quả của khủng hoảng đã tác động xấu đến tâm lý đầu tư trên thị trường chứng khoán Đông Á. Các nước Đông Á nhận thấy cần thiết phải tăng cường liên kết, hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực và thay đổi cấu trúc tài chính khu vực. Để thúc đẩy hợp tác Đông Á, năm 1999, Hội nghị cấp cao ASEAN+3⁽²⁾ (ASEAN và

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0913513745.

Email: kimngoc_vapec@yahoo.com.

(**) Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội. ĐT: 0949.051.436.

Email: nguyentuyet.ueb@gmail.com.

(1), (2) Bao gồm 10 quốc gia thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN): Thái Lan, Singapore, Malaysia, Indonesia, Philippine, Brunây, Việt nam, Lào, Myanmar, Campuchia và 3 nước Đông Bắc Á: Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc

3 nước Đông Bắc Á: Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc) đã thông qua Tuyên bố chung về hợp tác Đông Á tạo ra những khuôn khổ hợp tác dựa trên 5 nguyên tắc chung sống hoà bình, các cơ sở của hợp tác Bali và luật pháp quốc tế. Cơ chế hợp tác là các cuộc họp cấp cao, cấp bộ trưởng ngoại giao, bộ trưởng chuyên ngành, các tổng vụ trưởng và quan chức; lĩnh vực hợp tác gồm kinh tế (thương mại, đầu tư, tài chính), hợp tác phát triển (thu hẹp khoảng cách phát triển), hợp tác chuyên ngành (môi trường, y tế, du lịch, nông nghiệp, khoa học công nghệ thông tin, lao động...), an ninh phi truyền thống (chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia). Mười năm sau, khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 khiến kinh tế các nước Đông Á bị suy giảm mạnh. Mặc dù Đông Á vẫn tiếp tục là khu vực tạo động lực tăng trưởng chính cho nền kinh tế thế giới, đóng góp gần 2/5 tổng mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu, song hiện nay kinh tế Đông Á vẫn đang trong giai đoạn phục hồi chậm chạp, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt khoảng 6,5% năm 2015, giảm 0,3% so với mức tăng 6,8% năm 2014 và giảm 0,6% so với mức tăng 7,1% năm 2013 [1]. Một lần nữa, các nước Đông Á phải điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế, thiết lập cơ chế điều tiết tài chính riêng nhằm ổn định và giảm thiểu rủi ro của hệ thống tài chính tiền tệ khu vực trong tương lai.

2.2. Hội nhập thương mại diễn ra nhanh chóng

Nếu như trong thời kỳ khủng hoảng tài chính Châu Á, các quốc gia bị ảnh hưởng trực tiếp gồm Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc trải qua sự suy giảm nghiêm trọng trong tỷ lệ đầu tư thì từ năm 2000, hoạt động thương mại và đầu tư nội vùng

gia tăng nhanh chóng giữa các quốc gia Đông Á. Theo số liệu thống kê của hãng thông tấn Bernama Malaysia, từ năm 2000 đến năm 2013, thương mại nội khối ASEAN đạt mức tăng trưởng trung bình hàng năm khoảng 10,5%. Quan hệ kinh tế chặt chẽ và mở rộng giữa các quốc gia trong khu vực đặt ra yêu cầu liên kết toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, trong đó hội nhập tài chính tiền tệ Đông Á đóng vai trò quan trọng, nhằm thúc đẩy quá trình liên kết thương mại, đầu tư trong khu vực và củng cố mạng lưới an toàn khu vực ASEAN+3.

2.3. Sự trỗi dậy của Trung Quốc

Trung Quốc không chỉ được đánh giá là công xưởng của thế giới mà sự trỗi dậy của Trung Quốc có ảnh hưởng lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu trên thế giới và khu vực Đông Á. Đầu những năm 1980 tỷ lệ xuất khẩu/GDP của Trung Quốc là 6 - 7%, hiện nay đã tăng lên đến hơn 30%. Theo thống kê của Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), Trung Quốc hiện là nước thu hút lượng FDI lớn nhất trên thế giới, đạt khoảng 128 tỷ USD/năm. Sự trỗi dậy của Trung Quốc sẽ có thể dẫn đến tình trạng chi phối kinh tế nói chung và tài chính nói riêng đối với từng quốc gia riêng lẻ trong khu vực Đông Á. Điều đó đặt ra yêu cầu đối với các quốc gia Đông Á phải có sự hợp tác về các cơ sở phát triển thị trường, trong đó có thị trường tài chính nhằm giảm thiểu rủi ro do xung đột lợi ích giữa các quốc gia, đảm bảo hiệu quả và an toàn cho hệ thống tài chính khu vực.

2.4. Chênh lệch trình độ phát triển giữa các quốc gia Đông Á

Các quốc gia Đông Á không chỉ đa dạng về quy mô dân số, hệ thống chính trị mà còn khác biệt lớn về hệ thống kinh tế và trình độ phát triển. Chênh lệch trình độ phát

triển giữa các nước quá lớn tạo ra những lợi ích và ưu tiên khác nhau trong chính sách liên kết, làm tăng nguy cơ bất bình đẳng mới và khó khăn trong việc thể chế hoá khu vực. Đông Á có tiềm lực về tài chính lớn nhưng chưa được phát huy một cách hiệu quả. Hơn nữa, giữa các quốc gia Đông Á có sự khác biệt về chế độ tỷ giá, dễ dẫn đến biến động tỷ giá. Đây mạnh hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á góp phần tạo lập Cộng đồng Đông Á vững mạnh, đồng thời giảm bớt sự phụ thuộc của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương vào thị trường phương Tây đang gặp khó khăn. Các chuyên gia kinh tế quốc tế cho rằng, Cộng đồng Đông Á thành công sẽ tiếp tục củng cố sự dịch chuyển quyền lực kinh tế toàn cầu từ phương Tây sang Châu Á.

3. Thực trạng hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á

3.1. Giám sát kinh tế và đối thoại chính sách

Giám sát kinh tế và đối thoại chính sách (ERPD)⁽³⁾ được thực hiện thông qua Quy trình giám sát ASEAN thành lập từ năm 1998 nhằm trao đổi và thảo luận về phát triển kinh tế và tài chính của các thành viên. Đây là một bước ngoặt quan trọng, đánh dấu sự phát triển của hội nhập tài chính tiền tệ Đông Á. Theo đó, các quốc gia thành viên thảo luận về việc xây dựng hệ thống cảnh báo sớm và quy trình đánh giá ngang hàng để tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và hệ thống tài chính khu vực; đưa ra các lựa chọn chính sách ngăn chặn khủng hoảng; và giám sát, thảo luận về các vấn đề kinh tế, tài chính toàn cầu có ảnh hưởng đến tình hình khu vực. Tại cuộc họp đầu tiên của các Bộ trưởng tài chính các nước ASEAN+3 diễn ra tại Chiang Mai, Thái Lan vào năm 2000, các Bộ trưởng đã thảo

luận và đồng ý trao đổi dữ liệu về các dòng vốn và đạt được sự thống nhất quan trọng tiến tới xây dựng một hệ thống cảnh báo sớm, nhằm chống lại khủng hoảng trong tương lai. ERPD được kỳ vọng mang lại kết quả tích cực khi các quốc gia thành viên theo đuổi chính sách phù hợp, thúc đẩy ổn định tài chính khu vực. Từ tháng 12 năm 2012, ASEAN+3 đã phát triển ma trận ERPD gồm nhiều chỉ số kinh tế, tài chính của tất cả các quốc gia thành viên nhằm tạo thuận lợi cho quá trình đánh giá trình độ chuyên môn của các thành viên trong việc phòng chống khủng hoảng. Theo đó, 13 quốc gia Đông Á đang hướng đến đẩy mạnh hợp tác tài chính trong lĩnh vực tài trợ cơ sở hạ tầng, bảo hiểm rủi ro thảm họa và sử dụng đồng nội tệ trong thương mại nội khối. Các bước phát triển và hoàn thiện của ERPD đã chứng tỏ nỗ lực hợp tác của các quốc gia Đông Á nhằm mở rộng các lĩnh vực then chốt, có tính quyết định đến thành công của hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á.

Thêm vào đó, các quốc gia Đông Á còn thảo luận một số quyết định quan trọng có tác động mạnh đến việc nâng cao hiệu quả hợp tác tiền tệ khu vực. Điển hình là việc thống nhất Sáng kiến Chiang Mai (CMI) tại Hội nghị của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vào năm 2000, sau đó là quyết định tích hợp giữa ERPD và CMI vào tháng 5 năm 2005, nhằm hỗ trợ thanh khoản ngắn hạn trong khuôn khổ CMI cùng với các điều chỉnh chính sách nhằm ngăn ngừa rủi ro tiền tệ. Tiếp đó, việc thống nhất quy trình ra quyết định tập thể về CMI với sự tham

⁽³⁾ ERPD bao gồm Hội nghị Bộ trưởng tài chính; cuộc họp thường niên giữa các Bộ trưởng tài chính và Thống đốc các ngân hàng trung ương; và các Đơn vị giám sát quốc gia.

gia của các ngân hàng trung ương góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả của việc giám sát giải ngân thực tế đối với các nhu cầu thanh khoản phát sinh trong khu vực. Điều đó chứng tỏ Đông Á tập trung vào các vấn đề tài chính chung của cả khu vực nhằm đảm bảo phát triển đồng đều giữa các thành viên, là nền tảng cho việc nâng cao hiệu quả hợp tác khu vực. Các quốc gia Đông Á còn hướng đến thành lập một cơ chế giám sát khu vực độc lập được thiết kế riêng biệt, phù hợp với các điều kiện tài chính của từng quốc gia. Tháng 5 năm 2006, các nước ASEAN+3 đã cùng tuyên bố khởi động Nhóm chuyên gia (GOE) và Nhóm công tác kỹ thuật về giám sát kinh tế và tài chính (ETWG) để nghiên cứu và xây dựng các phương án nhằm tăng cường năng lực giám sát ở Đông Á. Tuy nhiên, hợp tác tài chính Đông Á vẫn phụ thuộc nhiều vào IMF, liên quan đến vấn đề thể chế và đặc biệt, vẫn dựa trên các phân tích, thống kê từ IMF để đưa ra quyết định chính sách. Do đó, đến tháng 5 năm 2011, Cơ quan Nghiên cứu Kinh tế Vĩ mô ASEAN+3 (AMRO) được thành lập ở Singapore đã hỗ trợ các quốc gia Đông Á theo dõi và phân tích các nền kinh tế trong khu vực; tăng cường hiệu quả giám sát thông qua phát hiện sớm các rủi ro và nhanh chóng khắc phục kịp thời. Sau năm 2011, AMRO đã thiết lập quan hệ đối tác với các tổ chức tài chính quốc tế bao gồm: IMF, Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) và Ngân hàng Thế giới (WB), kỳ vọng nâng cao hiệu quả giám sát tài chính và đối thoại chính sách giữa các quốc gia Đông Á. Như vậy, các vấn đề được quan tâm và thảo luận rộng rãi giữa các quốc gia Đông Á liên quan đến giảm thiểu rủi ro, nguy cơ khủng hoảng và giám sát tốt các nền kinh tế trong khu

vực nhằm tạo môi liên kết chặt chẽ và liên tục giữa các thành viên.

3.2. Hỗ trợ thanh khoản

Quỹ hoán đổi tiền tệ được Nhật Bản đề xuất phát triển các thỏa thuận tín dụng song phương và được các thành viên ASEAN+3 ủng hộ, nhằm giải quyết những khó khăn thanh khoản ngắn hạn trong thời kỳ khủng hoảng thông qua các Thỏa thuận hoán đổi song phương (BSA) thay vì phải xin cứu trợ từ IMF với các điều kiện khắt khe hơn. Theo đó, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đã thỏa thuận đưa ra nguyên tắc đàm phán các BSA với từng quốc gia ASEAN cũng như các BSA giữa 3 quốc gia đó. Hầu hết các hiệp định được thực hiện sau này đều tuân theo các nguyên tắc được bàn luận tại Chiang Mai năm 2000, tức là khi một quốc gia cần được hỗ trợ tài chính có thể sử dụng đồng tiền quốc gia đó để mua USD. Do đó, CMI ngày càng nâng cao vai trò và giữ vị trí xuyên suốt trong các vấn đề kinh tế Đông Á. Một thỏa thuận khác giữa Trung Quốc và Nhật Bản là hai quốc gia này có thể dùng chính đồng tiền quốc gia của họ mua bán lẫn nhau, Trung Quốc có thể mua Yên Nhật bằng đồng Nhân dân tệ và ngược lại Nhật Bản có thể mua Nhân dân tệ bằng đồng Yên thông qua các thỏa thuận hoán đổi tiền tệ (SWAP). Một số thỏa thuận được ký kết song phương với Nhật Bản cho phép mua song phương lên đến 3 triệu USD.

Đi vào hoạt động từ năm 2000, Quỹ đã đạt được những thành tựu nhất định với số lượng cũng như giá trị của các BSA tăng lên nhanh chóng qua các năm: năm 2002 có 6 BSA, tổng giá trị Quỹ là 17 triệu USD; năm 2003 có 12 BSA, 31,5 tỷ USD; năm 2004 có 16 BSA, 36,5 tỷ USD; năm 2008, 80 tỷ USD. Tuy nhiên, do tính phức tạp của các BSA, đến tháng 3 năm 2010, các quốc

gia Đông Á đã chính thức đa phương hóa CMI trở thành Sáng kiến Chiang Mai Đa phương hóa (CMIM) bằng việc thống nhất quy trình quyết định tập thể giữa 13 quốc gia Đông Á. Theo đó, các thành viên đã thống nhất về tỷ lệ đóng góp của các nước dựa trên tinh thần tự nguyện cam kết, trong đó xuất phát từ 3 nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc là 80%, còn lại 20% thuộc các nước ASEAN; hạn mức vay được tính dựa trên tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi nước. Như vậy, các quốc gia Đông Bắc Á đóng góp phần lớn nguồn vốn của Quỹ hoán đổi tiền tệ, đồng nghĩa với việc đây sẽ là ba nước được hưởng hạn mức vay lớn khi có rủi ro tài chính tiền tệ xảy ra. Từ sau khi CMI được đa phương hóa, giá trị của các SWAP tăng lên nhanh chóng tương đương sự tăng lên của giá trị Quỹ hoán đổi tiền tệ: 120 tỷ USD vào năm 2009 và tăng gấp đôi đến 240 tỷ USD năm 2012. Hơn nữa, tính linh hoạt của CMIM tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia Đông Á tiếp cận các khoản hỗ trợ tài chính.

3.3. Phát triển thị trường trái phiếu khu vực

Nguồn vốn trên thị trường trái phiếu giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế mỗi quốc gia cũng như khu vực Đông Á. Do đó, vào tháng 3 năm 2003, Nhật Bản tiếp tục đưa ra đề xuất lộ trình Sáng kiến Phát triển Thị trường Trái phiếu Châu Á (ABMI) hướng đến một số mục tiêu quan trọng: phát triển thị trường trái phiếu hiệu quả thông qua tài trợ phát triển cơ sở hạ tầng thị trường và phát triển thị trường trái phiếu bằng nội tệ; hài hòa hóa các quy định điều tiết hoạt động của thị trường trái phiếu; tăng cường hợp tác đầu tư liên khu vực; phòng ngừa tái diễn khủng hoảng tài chính - tiền tệ. Tập trung điều chỉnh và phát triển

thị trường trái phiếu khu vực là một trong những định hướng quan trọng của các quốc gia Đông Á, phù hợp với xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa kinh tế.

Từ khi ABMI hình thành, ASEAN +3 đã thống nhất xây dựng lộ trình cụ thể nhằm phát triển thị trường trái phiếu, có sự điều chỉnh vào năm 2005 và xây dựng lộ trình mới vào năm 2008, mới nhất là năm 2012. Tại Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN+3 năm 2003, ABMI đã thống nhất thành lập 6 Nhóm công tác (WG) phụ trách các mảng riêng biệt, trong đó, WG1: khoản đầu tư mới được chứng khoán hóa; WG2: bảo lãnh tín dụng và cơ chế đầu tư; WG3: giao dịch ngoại hối và các vấn đề liên quan; WG4: phát hành trái phiếu nội tệ; WG5: hệ thống đánh giá và phổ biến thông tin thị trường trái phiếu Châu Á; WG6: điều phối hỗ trợ kỹ thuật. Đến năm 2005, lộ trình của ABMI được điều chỉnh còn 4 WG và 2 nhóm điều hành. Bằng việc tổ chức hoạt động tốt theo lộ trình ABMI, quy mô thị trường trái phiếu Đông Á tăng trưởng mạnh, thủ tục phát hành được đơn giản hóa và làm tăng số lượng các chủ thể tham gia thị trường trái phiếu khu vực.

Năm 2008, nhằm đẩy mạnh hơn nữa hoạt động của thị trường trái phiếu trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới, lộ trình mới của ABMI được thống nhất với 4 Nhóm hoạt động tập trung vào các mảng: cung, cầu, quy chế và cơ sở hạ tầng thị trường trái phiếu. Theo đó, ASEAN+3 thống nhất xây dựng Diễn đàn Thị trường Trái phiếu ASEAN+3 (ABMF) chính thức đi vào hoạt động năm 2010. Lộ trình ABMI năm 2012 đạt đến cấp độ triển khai với 9 lĩnh vực ưu tiên gồm: hoạt động bảo lãnh thực hiện bởi Quỹ Bảo lãnh Tín dụng Đầu tư (CGIF) với trị giá 700 tỷ USD;

các đề án cơ sở hạ tầng tài chính; cải thiện môi trường đầu tư và chia sẻ thông tin về ABMI; tăng cường hoạt động của ABMF; xúc tiến thành lập trung gian giải quyết các vấn đề trong khu vực; hỗ trợ tài chính cho người tiêu dùng và các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs); củng cố hệ thống đánh giá khu vực; và cải thiện vấn đề tài chính.

Lộ trình 2012 có bước tiến quan trọng trong hợp tác tài chính tiền tệ ASEAN+3 khi CGIF chính thức đi vào hoạt động. CGIF hoạt động dưới hình thức Quỹ tín thác sử dụng vốn từ ADB và các nước ASEAN+3 nhằm bảo lãnh cho các doanh nghiệp phát hành trái phiếu trên thị trường khu vực Đông Á và giảm thiểu tình trạng chảy vốn đầu tư ra ngoài khu vực. Năm 2014, được sự đồng thuận của các Bộ trưởng tài chính, Thống đốc ngân hàng các nước Đông Á, CGIF tăng quy mô từ 700 triệu USD lên đến 1,75 tỷ USD. Đến năm 2015, các quốc gia Đông Á đã và đang tiếp tục mở rộng hoạt động của CGIF, bảo lãnh cho các dự án phát hành trái phiếu khả thi và hoàn thiện Khung Phát hành Trái phiếu bằng nhiều đồng tiền ASEAN+3.

3.4. Can thiệp phối hợp ổn định tỷ giá hối đoái

Chính sách về tỷ giá hối đoái của các nước khu vực Đông Á đặc biệt là Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc có liên quan chặt chẽ đến đồng USD và từ đó ảnh hưởng đến hoạt động thương mại, đầu tư của họ. Nhằm mục tiêu ổn định tỷ giá hối đoái trên toàn khu vực, các quốc gia Đông Á tiến tới can thiệp ngoại hối phối hợp thông qua hợp tác chính sách kinh tế vĩ mô. Liên quan đến tỷ giá hối đoái, mọi động thái như đồng USD giảm giá hay Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ như hiện nay đều có tác động mạnh đến tình hình tài chính khu vực.

Từ năm 2000, khi CMI được thông qua, các quốc gia ASEAN+3 đã đặt vấn đề phối hợp chính sách tỷ giá song không mang lại ảnh hưởng lớn do sự miễn cưỡng tham gia của các thành viên, đặc biệt là Trung Quốc và Nhật Bản trong việc thỏa hiệp chính sách tiền tệ khu vực, do mỗi nước đều theo đuổi chính sách tỷ giá riêng biệt. Để khắc phục vấn đề này, một Nhóm hoạt động ASEAN về cơ chế tỷ giá và tiền tệ ASEAN đã được thành lập vào năm 2001 cùng với Dự án Nghiên cứu Kobe là sáng kiến của Nhóm Bộ trưởng Tài chính Á - Âu. Tuy nhiên, đến năm 2005, đứng trước tác động giảm giá đồng USD và sự chuyển đổi chế độ tỷ giá của Trung Quốc từ neo giá cố định sang thả nổi, các quốc gia ASEAN+3 đã thống nhất thành lập Nhóm Bellagio Châu Á với mục tiêu điều phối chính sách tỷ giá giữa các quốc gia theo mô hình của Nhóm Bellagio Châu Âu. Điều đó cho thấy các quốc gia Đông Á tiếp thu những thành tựu của thế giới, của Châu Âu trong điều kiện thực tế tại Đông Á để xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, tổ chức nhằm can thiệp vào vấn đề tỷ giá hối đoái khu vực.

Tiếp đó, việc CMIM thay thế cho CMI đánh dấu bước phát triển trong hợp tác tỷ giá hối đoái tại Đông Á. Các quốc gia khu vực này nhận thấy sự cần thiết phải điều chỉnh chính sách tiền tệ nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào USD, đồng thời giảm bớt các rủi ro. Năm 2011, Trung Quốc đóng góp 57 tỷ USD và Nhật Bản đóng góp 60 tỷ USD thông qua BSA hỗ trợ cho Hàn Quốc nhằm ổn định tỷ giá trước áp lực giảm giá đồng Won đã thể hiện sự đối đầu mạnh mẽ giữa hai quốc gia tranh giành ảnh hưởng đến khu vực. Sau đó, Cơ chế Tỷ giá Châu Á (ARM) được thông qua, hoạt động tương tự như Cơ chế tỷ giá Châu Âu (ERM) nhằm ổn định tỷ

giá hối đoái giữa các quốc gia Đông Á, khắc phục sự không đồng nhất trong chế độ tỷ giá giữa các nước.

4. Giải pháp đẩy mạnh hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á

4.1. Đẩy mạnh đa phương hóa Sáng kiến Chiang Mai

Cơ sở của CMI là các SWAP, do đó, để đạt được thành tựu trong việc đẩy mạnh CMIM, các quốc gia Đông Á cần tăng quy mô cũng như tăng số lượng SWAP trong khu vực. Bên cạnh đó, các hoạt động thương mại, đầu tư sẽ được mở rộng hơn và quy mô tài chính tiền tệ khu vực sẽ được tăng lên khi các quốc gia Đông Á chú trọng cả SWAP song phương và đa phương. Mặc dù hai hình thức hoán đổi này có nhiều tính chất cơ bản giống nhau tuy nhiên quy mô và điều kiện áp dụng khác nhau. Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế cũng như mối quan hệ giữa các nền kinh tế mà mỗi thành viên lựa chọn và tham gia hai hình thức này. Quan trọng hơn, ASEAN+3 cũng cần xem xét hỗ trợ các điều kiện gia hạn thỏa thuận hoán đổi tiền tệ, nhằm cắt giảm chi phí giao dịch, đàm phán cho các bên tham gia.

Việc mở rộng Quỹ hoán đổi tiền tệ khu vực là cần thiết. Trong điều kiện khối lượng giao dịch ngoại tệ mỗi ngày trên thế giới là hơn 5.000 tỷ USD thì con số 240 tỷ USD của Quỹ hoán đổi tiền tệ khu vực Đông Á là quá nhỏ. Hơn nữa, hội nhập kinh tế, tài chính khu vực mở rộng đặt ra yêu cầu thanh khoản lớn cho mỗi nền kinh tế nói riêng và khu vực Đông Á nói chung. Trước tình hình kinh tế thế giới biến động mạnh như hiện nay, khu vực Đông Á cần xây dựng Quỹ hoán đổi tiền tệ mạnh nhằm cung cấp các hỗ trợ tài chính cho các thành viên, giảm thiểu rủi ro dẫn đến khủng hoảng tài chính khu vực trước khi xin trợ cấp của IMF, đồng thời góp phần nâng cao chỉ số tín

nhiệm cho hệ thống tài chính khu vực, tác động tích cực thu hút đầu tư nước ngoài.

4.2. Tăng cường đối thoại chính sách và nâng cao vị thế của AMRO

Thứ nhất, mục tiêu tăng cường đối thoại chính sách giữa các quốc gia Đông Á sẽ được thực hiện tốt khi khu vực này tuân thủ và áp dụng Quy trình giám sát ASEAN. Theo đó, các quốc gia, thông qua các cuộc họp thường niên và bất thường của Bộ trưởng tài chính, ngân hàng trung ương; cập nhật và chia sẻ các thông tin tài chính quan trọng và chính xác nhất từ đó xem xét điều kiện khu vực và lựa chọn các chính sách phù hợp với từng quốc gia thành viên, hạn chế nguy cơ khủng hoảng do thông tin không đầy đủ. Hơn nữa, đẩy mạnh hoạt động của các GOE và ETWG là cần thiết giúp tăng nhanh số lượng và chất lượng các dự án mang tầm khu vực, bổ sung những giải pháp quan trọng làm căn cứ cho các nhà hoạch định chính sách. Trong đối thoại chính sách về thị trường trái phiếu khu vực, Đông Á cần hướng đến xây dựng và mở rộng các diễn đàn khu vực về thị trường trái phiếu, từng bước điều chỉnh và hoàn thiện lộ trình xây dựng thị trường trái phiếu. Hơn nữa, đối thoại chính sách còn mang ý nghĩa tạo môi trường chính trị khu vực ổn định, đặc biệt là trong mối quan hệ giữa các quốc gia Đông Bắc Á, góp phần hoàn thiện môi trường đầu tư khu vực.

Thứ hai, nâng cao vị thế của AMRO trong khu vực và trên thế giới có tác động mạnh đến hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á, tăng cường khả năng thanh khoản khu vực, hỗ trợ và bổ sung cho mạng lưới tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, AMRO chỉ có thể mở rộng và hoàn thành sứ mệnh khi giải quyết tốt mối quan hệ với IMF và không dẫn đến tình trạng xung đột lợi ích với tổ chức quốc tế này. Do đó, các quốc gia Đông Á cần tìm

ra phương thức phù hợp để AMRO có thể làm việc thuận lợi với IMF, không làm giảm ảnh hưởng của IMF đến các quyết định tài chính khu vực. Đông Á cần có những phiên làm việc thường xuyên với IMF nhằm định hướng trao đổi để được hỗ trợ chính sách, kỹ thuật và dự báo tình hình thế giới. Các quốc gia ASEAN+3 cũng cần đàm phán và cam kết với IMF về các hỗ trợ tài chính nội bộ khu vực sẽ ưu tiên thực hiện theo CMIM.

Như vậy, IMF tham gia với vai trò là giám sát và hỗ trợ hoạt động cho AMRO và hạn chế tương tác trực tiếp đến từng quốc gia thành viên. Bên cạnh đó, việc ASEAN+3 đề nghị IMF nói lỏng và quy định rõ về điều kiện hoạt động độc lập của AMRO là cần thiết, nhằm tăng tính tự chủ, độc lập của AMRO trong các hoạt động của khu vực Đông Á. Trong tầm nhìn dài hạn, Đông Á cần hướng đến xây dựng AMRO trở thành tổ chức quốc tế độc lập, hỗ trợ cho tất cả các mảng của CMIM. Do đó, mỗi quốc gia thành viên cần chú trọng bổ sung các nguồn lực hoạt động cho AMRO, quan trọng nhất là nguồn nhân sự có chuyên môn và kinh nghiệm phân tích chính sách, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và vị thế của AMRO trong khu vực và quốc tế.

4.3. Xây dựng hoàn chỉnh ABMI

Một trong những thành tựu quan trọng của hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á là ABMI đang từng bước được xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện phù hợp với từng giai đoạn hợp tác và phát triển. Với lộ trình mới nhất của ABMI, các quốc gia Đông Á cần tiếp tục phối hợp đẩy mạnh hơn nữa phạm vi ảnh hưởng của CGIF bằng việc hỗ trợ phát triển các công cụ đầu tư mới; hài hòa hóa các quy định về bảo lãnh tín dụng; hoàn thiện và áp dụng linh hoạt Khung Phát hành Trái phiếu bằng nhiều đồng tiền ASEAN+3;

xây dựng và tăng cường hiệu quả của các nhóm công tác ABMI. Đối với cơ sở hạ tầng thị trường trái phiếu khu vực, nỗ lực của tất cả các quốc gia thành viên là cần thiết nhằm thiết lập hệ thống cơ sở hạ tầng trái phiếu theo các đề án, sáng kiến đã được thảo luận và thống nhất. Hơn nữa, chất lượng môi trường đầu tư cũng cần được chú trọng với mục tiêu tận dụng nguồn vốn nội vùng và thu hút vốn ngoại vùng vào thị trường trái phiếu Đông Á thông qua việc tận dụng tốt các dự báo, phân tích của các cơ quan giám sát khu vực để đưa ra các dự án mang tính khả thi cao, mang lại lợi ích cho nhà đầu tư và giảm thiểu rủi ro thất thoát vốn cho khu vực. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, việc đánh giá và điều chỉnh lộ trình ABMI cần được tiến hành tích cực và thường xuyên, góp phần tận dụng những thành công và loại bỏ nhanh chóng các hậu quả do độ trễ chính sách trong khu vực.

4.4. Phối hợp chính sách tỷ giá

Phối hợp chính sách tỷ giá là cần thiết đối với các quốc gia Đông Á nhằm tránh tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh. ASEAN+3 cần xây dựng lộ trình đi đến thống nhất về hệ thống tỷ giá hối đoái cho cả khu vực. Muốn đạt được mục tiêu đó, đề xuất mang tính dài hạn đối với khu vực này là xây dựng và hoàn thiện khung khổ tỷ giá khu vực. Trong xu thế nền kinh tế thị trường phát triển, Đông Á theo đuổi chính sách tỷ giá hối đoái thả nổi linh hoạt là hợp lý, tuy nhiên không phải tất cả các quốc gia đang neo giá cố định đều có thể nhanh chóng chuyển đổi chế độ tỷ giá. Vì thế, khung khổ tỷ giá khu vực có vai trò đưa ra lộ trình cụ thể cho mỗi quốc gia thành viên trong việc chuyển đổi chế độ tỷ giá hối đoái, tùy thuộc vào vị thế đồng tiền quốc gia trong khu vực và trên thế giới, quy mô thị trường ngoại hối và các điều kiện kinh

tế, xã hội của quốc gia đó. Thêm vào đó, nhằm giảm thiểu chi phí phát sinh do biến động tỷ giá thất thường trong lộ trình điều chỉnh tỷ giá, biên độ điều chỉnh cũng cần được quy định chặt chẽ, nhằm giúp các nước tránh được cú sốc đối với nền kinh tế vĩ mô. Phối hợp chính sách tỷ giá khu vực cần sự nỗ lực và thống nhất cao của 13 quốc gia Đông Á, vì vậy, các thành viên cần nghiêm túc và tích cực tham gia các cuộc đối thoại, cuộc họp Bộ trưởng và cung cấp thông tin nhằm thảo luận chính sách và đưa ra giải pháp phù hợp cho từng giai đoạn.

5. Kết luận

Các kết quả đạt được trong hợp tác tài chính tiền tệ Đông Á đã cho thấy sự tích cực và nghiêm túc của các nước Đông Á trong việc theo đuổi ổn định tài chính của toàn khu vực. ASEAN+3 đã xây dựng thành công một số khung khổ quan trọng và thành lập các cơ quan giám sát sẽ thúc đẩy quá trình hợp tác diễn ra nhanh chóng và hiệu quả hơn. Sau năm 2015, khi Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) ra đời, lộ trình hội nhập thị trường tài chính tiền tệ khu vực được thực hiện sẽ đặt ra yêu cầu lớn trong việc chuyên môn hóa cơ chế giám sát nhằm thực hiện có hiệu quả CMIM, phát triển thị trường trái phiếu và phối hợp chính sách tỷ giá khu vực. Hợp tác tài chính tiền tệ cần thêm nhiều thời gian để thực hiện bởi các quốc gia Đông Á chưa đáp ứng các yêu cầu của khu vực tiền tệ tối ưu và chưa có sự thống nhất tuyệt đối về chính sách kinh tế xã hội, khung pháp lý giữa các thành viên. Điều đó đòi hỏi có sự chủ động hợp tác của các quốc gia Đông Á.

Tài liệu tham khảo

- [1] <http://bnews.vn/dong-a-van-la-dong-luc-tang-truong-chinh-cua-the-gioi/1811.html>.
- [2] ASEAN Secretariat (2005), *Economic*

Surveillance and Policy Dialogue in East Asia, Institute for International Monetary Affairs.

- [3] Ayako Yamaguchi (2014), *Progress of Bond Markets in East Asia*, Institute for International Monetary Affairs.
- [4] Robert J. Barro (2001), *Economic growth in East Asia before and after the financial crisis*, NBER working paper series.
- [5] Woo Chull Chung (2006), *Asian Bond Markets Initiative Asian Bond Markets Initiative*, ADB.
- [6] Nguyễn Tiến Dũng (2012), Hợp tác tiền tệ ASEAN và các vấn đề chính sách đối với Việt Nam, Tạp chí *Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Takeshi Kurihara (2012), *Achievements of Asian Bond Markets Initiative (ABMI) in the last decade and Future Challenges*, OECD.
- [8] Pradumna B. Rana (2002), “Monetary and Financial Cooperation in East Asia: The Chiang Mai Initiative and Beyond”, ERD Working paper series No. 6.
- [9] Pradumna B. Rana, Wai-Mun Chia, Yothin Jinjarak (2011), “Monetary integration in ASEAN+3: A perception survey of opinion leaders”, *Journal of Asian Economics*.
- [10] Kenichi Shimizu (2013), *Regional cooperation for financial and exchange rates stability in East Asia*, German Institute for International and Security Affairs.
- [11] Trần Văn Thọ (2006), *Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hóa Việt Nam*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
- [12] Ulrich Volz (2010), *Prospects for Monetary Cooperation and Integration in East Asia*, The MIT Press.
- [13] Wen Jin Yuan, Melissa Murphy (2010), *Regional Monetary Cooperation in East Asia*, CSIS.
- [14] <http://www.inas.gov.vn/167-hop-tac-dong-a-thanh-tuu-va-van-de.html>.

